

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 21-12-2022

V/v Tranh chấp chia tài sản  
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng Nước

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Ông Nguyễn Chí Dũng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Bà Nguyễn Bạch Nga, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2022/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LV bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2022/QĐXXPT – HNGĐ ngày 22/11/2022 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 24/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 07/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngô Thị A, sinh năm 1976;

Địa chỉ: 234/5 ấp LĐ, xã LT, huyện LV, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Huỳnh Văn C (Tiếp), sinh năm 1975

Địa chỉ: 71B, ấp LH, xã HL, huyện LV, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 1- Huỳnh Văn B, sinh năm 1947;
- 2- Lý Thị H, sinh năm 1956;
- 3- Huỳnh Thành T, sinh năm 1978;
- 4- Huỳnh Thị C, sinh năm 1981;
- 5- Huỳnh Thị H, sinh năm 1991;
- 6- Huỳnh Thị C, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: 71, ấp LH, xã HL, huyện LV, Đồng Tháp.

7- Huỳnh Thị Cẩm Q, sinh năm 1997;

8- Huỳnh Tấn D, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: 71B, ấp LH, xã HL, huyện LV, Đồng Tháp.

Có mặt: Chị A, anh C, chị Q, anh D; vắng mặt: Ông B, bà H, anh T, chị C, chị H, chị C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn chị Ngô Thị A trình bày:

Chị Ngô Thị A với anh Huỳnh Văn C là vợ chồng, đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 241/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 25/11/2020, khi ly hôn không có yêu cầu chia tài sản, 02 vợ chồng thống nhất ký tên vào Văn bản ý kiến ngày 17/11/2020 thống nhất căn nhà và phần đất lúa là tài sản chung của vợ chồng, chị Ngô Thị A không hưởng tài sản, anh Huỳnh Văn C có nghĩa vụ giao lại cho chị Ngô Thị A 05 chỉ vàng 24kara loại vàng 9999, phần đất lúa anh Huỳnh Văn C sang tên cho con là Huỳnh Tấn D đứng tên quyền sử dụng đất nhưng anh Huỳnh Văn C không sang tên quyền sử dụng đất cho D và chỉ giao cho chị Ngô Thị A nhận 11.500.000 đồng, do anh Huỳnh Văn C không thực hiện đúng thỏa thuận nên chị Ngô Thị A khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

Tài sản chung của anh, chị gồm có:

Một căn nhà cấp bốn do vợ chồng xây dựng năm 2014, diện tích 147m<sup>2</sup> tọa lạc trên một phần thửa đất số 414, tờ bản đồ 57 đất tọa lạc tại xã HL, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp do ông Huỳnh Văn B đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất, giá trị căn nhà hiện nay theo định giá là 95.069.000 đồng.

Một thửa đất số 485, tờ bản đồ số 57, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 3.886m<sup>2</sup>, do anh Huỳnh Văn C đứng tên quyền sử dụng đất, giá trị đất theo định giá là 252.590.000 đồng. Nguồn gốc phần đất là của ba mẹ chồng ông Huỳnh Văn B, bà Lý Thị H cho hai vợ chồng phần đất 02 công tâm lớn diện tích 2.886m<sup>2</sup> khi ra ở riêng vào năm 1997, hai vợ chồng mua thêm của cha mẹ chồng 01 công đất tâm nhỏ diện tích 1.000m<sup>2</sup> giá 11 chỉ vàng 24kara loại vàng 9999, trả tiền nhiều lần đến 2003 mới trả xong, không sang tên quyền sử dụng đất, đến năm 2019 cha mẹ chồng mới làm thủ tục sang tên cho anh Huỳnh Văn C đứng tên quyền sử dụng đất, do nghĩ là vợ chồng ai đứng tên quyền sử dụng đất cũng được nên để anh Huỳnh Văn C đứng tên cá nhân quyền sử dụng đất.

Chị Ngô Thị A yêu cầu chia đôi tài sản chung sau khi ly hôn. Chị Ngô Thị A được hưởng giá trị ½ căn nhà là 47.500.000 đồng và giá trị ½ giá trị quyền sử dụng đất thửa đất chuyên trồng lúa nước là 126.000.000 đồng, tổng cộng 173.500.000 đồng, đã nhận 11.500.000 đồng, đồng ý trừ lại số tiền này, anh Huỳnh Văn C giao giá trị căn nhà và đất cho chị Ngô Thị A là 162.000.000 đồng. Anh Huỳnh Văn C được hưởng sở hữu, sử dụng toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất thửa số 485 tờ bản đồ số 57, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 3.886m<sup>2</sup>, do anh Huỳnh Văn C đứng tên quyền sử dụng đất.

Sau khi anh Huỳnh Văn C trả giá trị căn nhà và đất cho chị Ngô Thị A thì chị Ngô Thị A đồng ý giao trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 485, tờ bản đồ số 57, diện tích 3.886m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước cho anh Huỳnh Văn C.

Thông nhất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá cùng ngày 19/01/2022 và không yêu cầu Tòa án đo đạc phần đất tranh chấp, thống nhất diện tích 3.886m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 28/3/2019.

So với đơn khởi kiện trước đây chị Ngô Thị A thay đổi không yêu cầu giải quyết chi phí cải tạo đất bom cát và mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Bé không yêu cầu trả nợ, bà Bé có đơn không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Bị đơn anh Huỳnh Văn C trình bày:

Anh Huỳnh Văn C với chị Ngô Thị A là vợ chồng, đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 241/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 25/11/2020, khi ly hôn không có yêu cầu chia tài sản, 02 vợ chồng thống nhất ký tên vào Văn bản ý kiến ngày 17/11/2020 thống nhất chị Ngô Thị A không hưởng tài sản, anh Huỳnh

Văn C có nghĩa vụ giao lại cho chị Ngô Thị A 05 chỉ vàng 24kara loại vàng 9999 và phần đất lúa anh Huỳnh Văn C sang tên cho con là Huỳnh Tấn D đứng tên quyền sử dụng đất nhưng Huỳnh Tấn D không có nhu cầu đứng tên quyền sử dụng đất nên không sang tên quyền sử dụng đất và anh Huỳnh Văn C đã giao cho chị Ngô Thị A nhận 11.500.000 đồng tương đương 2,5 chỉ vàng 24kara loại vàng 9999, anh Huỳnh Văn C đồng ý giao tiếp 2,5 chỉ vàng 24kara loại vàng 9999 cho chị Ngô Thị A là thực hiện đúng như thỏa thuận khi ly hôn. Anh Huỳnh Văn C không đồng ý chia giá trị căn nhà, đất theo như Ngô Thị A yêu cầu;

Căn nhà tài sản chung của vợ chồng xây dựng khoảng năm 2014, hiện nay anh C, D đang ở nếu chị A muốn ở thì về ở, anh C không đồng ý chia, không đồng ý chia giá trị căn nhà là 47.500.000 đồng;

Thửa đất số 485, tờ bản đồ số 57, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 3.886m<sup>2</sup>, do cá nhân anh Huỳnh Văn C đứng tên quyền sử dụng đất năm 2019 theo đúng quy định pháp luật, giá trị đất theo định giá là 252.590.000 đồng, phần đất hơn 02 công tằm lớn diện tích 2.886m<sup>2</sup> là tài sản riêng của anh Huỳnh Văn C, phần đất này ba mẹ là ông Huỳnh Văn B, bà Lý Thị H tặng cho riêng cá nhân anh Huỳnh Văn C để sinh sống và thờ cúng ông bà; Hai vợ chồng có tạo lập tài sản chung là mua của ba mẹ ông Huỳnh Văn B, bà Lý Thị H 01 công đất tằm nhỏ diện tích 1.000m<sup>2</sup> giá 11 chỉ vàng 24kara loại vàng 9999, theo Văn bản ý kiến ngày 17/11/2020 thống nhất anh Huỳnh Văn C có nghĩa vụ giao lại cho chị Ngô Thị A 05 chỉ vàng 24kara loại vàng 9999, anh Huỳnh Văn C đã giao cho chị Ngô Thị A nhận 11.500.000 đồng tương đương 2,5 chỉ vàng 24kara loại vàng 9999, anh Huỳnh Văn C đồng ý giao tiếp 2,5 chỉ vàng 24kara loại vàng 9999 cho chị Ngô Thị A, ngoài ra không đồng ý bất cứ yêu cầu nào của chị Ngô Thị A.

Chị Ngô Thị A giao trả Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 485, tờ bản đồ số 57, diện tích 3.886m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước cho anh Huỳnh Văn C.

Thống nhất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá cùng ngày 19/01/2022 và không đồng ý Tòa án đo đạc phần đất tranh chấp, thống nhất diện tích 3.886m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 28/3/2019.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Cẩm Q và Huỳnh Tấn D trình bày: Q và D là con của anh Huỳnh Văn C, chị Ngô Thị A, không yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án này, Huỳnh Tấn D không có nhu cầu và còn nhỏ nên không

đồng ý đứng tên quyền sử dụng đất phần đất lúa. Huỳnh Thị Cẩm Q, Huỳnh Tấn D có biết chứng kiến việc ba mẹ là anh Huỳnh Văn C và chị Ngô Thị A thỏa thuận phần đất lúa diện tích khoảng 1.000m<sup>2</sup> mua của ông bà nội 11 chỉ vàng 24kara 9999 nên anh Huỳnh Văn C trả cho chị Ngô Thị A 05 chỉ vàng 24kara 9999 xem như là thỏa thuận xong về tài sản chung của vợ chồng, Huỳnh Văn C đã giao cho Ngô Thị A số tiền 11.500.000 đồng tương đương 2,5 chỉ vàng 24kara 9999, còn 2,5 chỉ vàng 24kara 9999 chưa giao, phần đất lúa khoảng 02 công tầm lớn diện tích hơn 2.600m<sup>2</sup> có nghe ông bà nội nói cho riêng cá nhân anh Huỳnh Văn C để canh tác sử dụng, thờ cúng ông bà, còn căn nhà thì hiện nay anh Huỳnh Văn C, Huỳnh Tấn D đang ở. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn B trình bày: Ông Huỳnh Văn B là cha của anh Huỳnh Văn C. Vào năm 2019 ông B, bà H làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho riêng cá nhân anh Huỳnh Văn C theo quy định pháp luật phần đất thuộc thửa đất số 485, tờ bản đồ số 57, diện tích 3.886m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, trong đó khoảng 02 công tầm lớn cho anh Huỳnh Văn C để canh tác thờ cúng ông bà, còn phần đất diện tích 1.000m<sup>2</sup> thì bán với giá 11 chỉ vàng 24kara 9999 cho anh Huỳnh Văn C, chị Ngô Thị A; gia đình ông B, bà H có 07 người con, không có đất sản xuất, cho riêng cá nhân anh Huỳnh Văn C phần đất hơn 02 công tầm lớn để canh tác thờ cúng ông bà, không lý do gì gia đình ông B cho phần đất này chị Ngô Thị A. Đối với thửa đất số 414, tờ bản đồ 57 đất tọa lạc tại xã HL, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp hiện nay có căn nhà anh Huỳnh Văn C là đất của vợ chồng ông B cho anh Huỳnh Văn C xây nhà ở chưa sang tên chuyển quyền sử dụng đất, căn nhà anh Huỳnh Văn C và D đang ở, ông B không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án này.

Tại bản án hôn nhân gia đình số 38/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LV đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của chị Ngô Thị A.

1.1. Chị Ngô Thị A được hưởng phần tài sản giá trị  $\frac{1}{2}$  căn nhà là 47.500.000 đồng và giá trị phần đất lúa còn lại là 21.000.000 đồng, tổng cộng 68.500.000 đồng.

Buộc anh Huỳnh Văn C trả giá trị căn nhà và giá trị quyền sử dụng đất cho chị Ngô Thị A là 68.500.000 đồng (Sáu mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.2. Anh Huỳnh Văn C được hưởng phần tài sản gồm:

- Căn nhà cấp bốn giá trị là 95.069.000 đồng, trên phần đất diện tích 147m<sup>2</sup> thuộc thửa 414, tờ bản đồ 57 đất tọa lạc tại xã HL, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Thửa đất số 485, tờ bản đồ số 57, diện tích 3.886m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, ông Huỳnh Văn C đứng tên quyền sử dụng đất.

1.3 Buộc bà Ngô Thị A giao Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Thửa đất số 485, tờ bản đồ số 57, diện tích 3.886m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, ông Huỳnh Văn C đứng tên quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn C.

2. Về án phí và tạm ứng án phí và Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Ngô Thị A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.425.000 đồng. Được khấu trừ 4.500.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014607, ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Bà Ngô Thị A được nhận lại 1.075.000 đồng (Một triệu, không trăm B mươi lăm nghìn đồng).

Ông Huỳnh Văn C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.003.450 đồng (Bốn triệu, không trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm năm mươi đồng)

Ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị A 400.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Ngoài ra, bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/8/2022, chị Ngô Thị A là nguyên đơn kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Chị A yêu

cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị A xác định phần đất thuộc thửa 485, tờ bản đồ số 57, diện tích 3.886m<sup>2</sup> đất lúa là tài sản chung của chị Ngô Thị A và anh Huỳnh Văn C, chia đôi giá trị thửa đất, buộc anh Huỳnh Văn C trả cho chị Ngô Thị A 126.000.000 -11.500.000đồng đã nhận còn lại 114.500.000đồng và xác định phần đất vợ chồng mua của cha mẹ chồng diện tích 1.286m<sup>2</sup>.

- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Chị Ngô Thị A trình bày: Chị Ngô Thị A chỉ yêu cầu xác định phần đất thuộc thửa 485, tờ bản đồ số 57, diện tích 3.886m<sup>2</sup> đất lúa là tài sản chung của chị Ngô Thị A và anh Huỳnh Văn C, chia đôi giá trị thửa đất, buộc anh Huỳnh Văn C trả cho chị Ngô Thị A 126.000.000 -11.500.000 đồng đã nhận còn lại 114.500.000 đồng. Chị A rút lại một phần yêu cầu kháng cáo đối với diện tích đất vợ chồng mua của cha mẹ chồng 1.286m<sup>2</sup>.

Anh Huỳnh Văn C không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của chị A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để giải quyết phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng phúc thẩm, Thư ký phiên **tòa**.

Hội đồng phúc thẩm, thư ký phiên **tòa** đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết phúc thẩm vụ việc.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án dân sự

Bà A làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, kháng cáo làm trong thời hạn luật định, được xem là hợp lệ.

Nhận thấy, chị A cho rằng tại văn bản ý kiến ngày 17/11/2020 anh C thừa nhận thửa đất số 485 tờ bản đồ số 57 là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu chia đôi. Tuy nhiên, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 06/3/2019 giữa ông B bà H với anh C, thể hiện hộ ông Huỳnh Văn B bà Lý Thị

H tặng cho anh Huỳnh Văn C thửa đất số 485 tờ bản đồ 57, đất tọa lạc xã HL, huyện LV và khi làm thủ tục sang tên, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều ghi tên anh Huỳnh Văn C, chị A biết nhưng cũng không khiếu nại hay ý kiến gì. Điều này cũng phù hợp với lời trình bày của ông Huỳnh Văn B cho đất riêng anh Huỳnh Văn C để canh tác sử dụng, thờ cúng ông bà. Cho thấy 02 công đất đang tranh chấp thuộc 1 phần thửa 485 tờ bản đồ 57 là ông B bà H cho riêng cá nhân anh C nên là tài sản riêng của anh C. Chị A cho rằng ông B bà H cho đất từ năm 1997 chị và anh C cùng canh tác đến nay hơn 20 năm nên là tài sản chung của vợ chồng là chưa phù hợp bởi theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình thì tài sản được tặng cho riêng vợ hoặc chồng trong thời kỳ hôn nhân là tài sản riêng của vợ hoặc chồng. Do đó có căn cứ xác định 2 công đất được tặng cho là tài sản riêng của anh C nên chị A yêu cầu chia là không có căn cứ.

Ngoài ra, chị A còn cho rằng đất cha mẹ cho 2 công tầm cắt là tương đương 2.600m<sup>2</sup> nhưng cấp sơ thẩm xác định 2.886m<sup>2</sup> từ đó xác định đất mua chỉ có 1.000m<sup>2</sup>, thiếu 286m<sup>2</sup> làm ảnh hưởng quyền lợi của bà. Tại phiên tòa chị A rút kháng cáo nội dung này. Xét thấy việc rút 1 phần kháng cáo này là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên chấp nhận.

Chị A kháng nhưng không có căn cứ chứng minh nên không chấp nhận.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà A, căn cứ **khoản 1** Điều 308 BLTTDS tuyên xử: Giữ nguyên bản án số 38/2022/DS-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò; Đình chỉ xét xử phúc thẩm 1 phần kháng cáo.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Ngô Thị A là nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định được xem là hợp pháp. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm chị A rút lại một phần yêu cầu kháng cáo đối với diện tích đất vợ chồng mua của cha mẹ chồng 1.286m<sup>2</sup>. Hội đồng xét xử xét



thấy việc chị A rút lại một phần yêu cầu kháng cáo hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo đối với diện tích đất vợ chồng mua của cha mẹ chồng 1.286m<sup>2</sup>.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị A là nguyên đơn kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Chị A yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị A xác định phần đất thuộc thửa 485, tờ bản đồ số 57, diện tích 3.886m<sup>2</sup> đất lúa là tài sản chung của chị Ngô Thị A và anh Huỳnh Văn C, chia đôi giá trị thửa đất buộc anh Huỳnh Văn C trả cho chị Ngô Thị A 126.000.000 - 11.500.000đồng đã nhận, còn lại 114.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Thửa đất số 485, tờ bản đồ số 57, diện tích 3.886m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự xác định chị Ngô Thị A, anh Huỳnh Văn C nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn B, bà Lý Thị H phần đất diện tích 1.000m<sup>2</sup> với giá 11 chỉ vàng 24kara loại vàng 9999, tài sản vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng. Đối với phần đất còn lại diện tích 2.886m<sup>2</sup> là tài sản riêng của anh C là của ông Huỳnh Văn B, bà Lý Thị H tặng cho riêng cá nhân anh Huỳnh Văn C, lời trình bày của anh C phù hợp với lời trình bày của ông B. Ông B là người tặng cho quyền sử dụng đất cho anh C; Theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật hôn nhân và gia đình: “1. Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản được chia riêng cho vợ, chồng theo quy định tại các điều 38, 39 và 40 của Luật này; tài sản phục vụ nhu cầu thiết yếu của vợ, chồng và tài sản khác mà theo quy định của pháp luật thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng”... Do đó, năm 2019 ông Huỳnh Văn B, bà Lý Thị H làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 06/3/2019, thửa đất số 485, tờ bản đồ số 57, diện tích 3.886m<sup>2</sup>, trong đó có 1.000m<sup>2</sup> anh C và chị A nhận chuyển nhượng của ông B, bà H, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước cho riêng cá nhân anh C diện tích là 2.886m<sup>2</sup>.

Còn chị A cho rằng được ông B, bà H tặng cho từ năm 1997, vợ chồng chị cùng canh tác sử dụng chung trong gia đình là tài sản chung của chị A và anh C nhưng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh phần đất này cho chung hai vợ chồng.

Tại giai đoạn phúc thẩm chị A cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh là tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của chị A không có căn cứ nên không chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp đã xét xử có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên giữ nguyên bản án.

[5] Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị A, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[6] Do yêu cầu kháng cáo chị A không được chấp nhận nên chị A phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các phần khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LV không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày H thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên Xử:**

1. Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo đối với diện tích đất vợ chồng mua của cha mẹ chồng 1.286m<sup>2</sup>.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị A yêu cầu chia tài sản chung ½ giá trị là quyền sử dụng đất diện tích 3.886m<sup>2</sup>.

3. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.1. Chị Ngô Thị A được hưởng phần tài sản giá trị ½ căn nhà là 47.500.000 đồng và giá trị phần đất lúa còn lại là 21.000.000 đồng, tổng cộng 68.500.000 đồng.

Buộc anh Huỳnh Văn C trả giá trị căn nhà và giá trị quyền sử dụng đất cho chị Ngô Thị A là 68.500.000 đồng (Sáu mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2. Anh Huỳnh Văn C được hưởng phần tài sản gồm:

- Căn nhà cấp bốn giá trị là 95.069.000 đồng, trên phần đất diện tích 147m<sup>2</sup> thuộc thửa 414, tờ bản đồ 57 đất tọa lạc tại xã HL, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Thửa đất số 485, tờ bản đồ số 57, diện tích 3.886m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, anh Huỳnh Văn C đứng tên quyền sử dụng đất.

3.3 Buộc chị Ngô Thị A giao Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Thửa đất số 485, tờ bản đồ số 57, diện tích 3.886m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, anh Huỳnh Văn C đứng tên quyền sử dụng đất cho anh Huỳnh Văn C.

4. Về án phí phúc thẩm:

Chị Ngô Thị A phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 001514 ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

6. Các phần khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LV không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày H thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện LV;
- Chi cục THADS huyện LV;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký ên đóng dấu**

**Lê Hồng Nước**